



Các tên trước đây: Shell Albida Grease HDX 2, Shell Retinax CMX 2

Shell Gadus S3 V460D 2

- Bảo vệ chịu tải nặng
- Nhiệt độ cao
- Lithium Phức hợp

Mỡ bôi trơn đa dụng cao cấp chịu tải nặng có chứa phụ gia rắn

Shell Gadus S3 V460D là mỡ chất lượng cao, chịu nhiệt độ cao cho các ổ đỡ lớn, chịu tải nặng, chuyển động chậm trong điều kiện chịu tải và đập. Mỡ được đặc chế từ dầu gốc khoáng có chỉ số độ nhớt cao và chất làm đặc xà phòng lithium phức hợp. Ngoài việc chứa hệ phụ gia tiên tiến nhất nhằm mang lại khả năng chịu nhiệt độ cao, chống mài mòn và oxy hóa tuyệt vời, mỡ còn chứa phụ gia rắn nhằm đảm bảo khả năng chịu tải và đập.

DESIGNED TO MEET CHALLENGES

Các Tính năng & Lợi ích

- **Độ nhớt dầu gốc cao mang lại khả năng chịu tải tuyệt vời**
Đáp ứng yêu cầu về độ nhớt dầu gốc được khuyến nghị bởi các nhà chế tạo thiết bị (OEMs) hàng đầu.
- **Độ bền cơ học tuyệt vời ngay cả trong điều kiện tải rung động**
Độ cứng của mỡ duy trì ổn định dài lâu, kể cả trong điều kiện rung động khắc nghiệt.
- **Tăng cường đặc tính chịu cực áp & khả năng chịu tải và đập**
Khả năng chịu tải và đập tuyệt hảo do có chứa phụ gia rắn.
- **Kháng nước tuyệt vời**
Bảo vệ lâu dài trong môi trường có nhiều nước.
- **Bảo vệ chống ăn mòn hiệu quả**
Ngăn ngừa hư hỏng thiết bị và ổ đỡ do ăn mòn.
- **Điểm nhỏ giọt cao**
Chịu nhiệt độ cao.

Các Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chấp thuận & Khuyến nghị

Shell Gadus S3 V460D được khuyến nghị bởi các OEMs hàng đầu dưới đây:

- Komatsu Mining (Germany)
- Terex
- BE (certified)
- Dieffenbacher
- Konecranes
- CMI
- Flat Products Equipment
- Pfeiffer
- Voith Paper Environmental
- Rothe Erde

Để có danh mục đầy đủ các Khuyến cáo và Chấp thuận, có thể tham khảo Bộ phận Kỹ thuật Shell.

Các Ứng dụng chính



Shell Gadus S3 V460D được sử dụng để bôi trơn các ổ đỡ chịu tải nặng, tốc độ chậm, chịu tải và đập thường gặp trong các ngành công nghiệp nặng:

- Khai thác mỏ
- Thép

Các tính chất vật lý điển hình

| Tính chất | Phương pháp | Shell Gadus S3 V460D 2 |
|-------------------------|-------------|------------------------|
| Độ cứng NLGI | | 2 |
| Màu sắc | | Đen |
| Chất làm đặc | | Lithium complex |
| Dầu gốc | | Khoáng |
| Độ nhớt động học @40°C | cSt | ASTM D445 460 |
| Độ nhớt động học @100°C | cSt | ASTM D445 31 |
| Độ xuyên kim @25°C | 0.1mm | ASTM D217 265-295 |
| Điểm nhỏ giọt | °C | IP 396 >240 |
| Thử tải 4 bi | Kg | ASTM D2596 620 |

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai của Shell có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo quy cách mới của Shell.

Sức khỏe, An toàn & Môi trường

• Sức khỏe và An toàn

Shell Gadus S3 V460D không gây bất cứ nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng theo khuyến cáo, tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân.

Tránh tiếp xúc với da. Dùng găng tay không thấm đối với dầu đã qua sử dụng. Nếu tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nước.

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm Bản dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng từ <http://www.epc.shell.com>

• Bảo vệ môi trường

Tập trung dầu đã qua sử dụng đến điểm thu gom quy định. Không thải ra cống rãnh, mặt đất hay nguồn nước.

Thông tin bổ sung

• Nhiệt độ vận hành

-20°C đến +140°C (đỉnh 150°C)

• Tư vấn

Tham khảo Đại diện Shell về các ứng dụng không được đề cập tại đây.